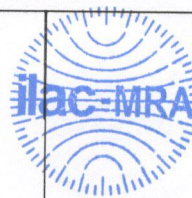




CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**



Số: 32/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

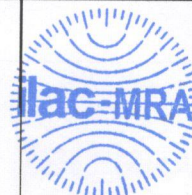
I/ THÔNG TIN MẪU

Stt	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	131M ₁ 01/16	Công ty TNHH FoodTech	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	05/09/2016 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
	132B08/16	Bể chứa NMN Phú Hòa		Trần Quang Vinh	05/09/2016 9g30-9g45	
	132M ₁ 08/16	Hộ dân huyện Phú Hòa			05/09/2016 9g45-10g15	
2	133M ₁ 01/16	131 Nguyễn Thái Học			05/09/2016 8g30-8g45	
3	133M ₂ 01/16	8/19 Nguyễn Huệ		Nguyễn Thị Cẩm Tú	05/09/2016 9g00-9g15	Phạm Thị Luyện
4	133M ₃ 01/16	Khu tái định cư Núi Nhạn			05/09/2016 9g30-9g45	
5	134B01/16	Bể chứa NMN Tuy Hòa		Phạm Thị Luyện	05/09/2016 8g00-8g15	Nguyễn Thị Cẩm Tú
10	135B06/16	Bể chứa NMN Sông Hình		Nguyễn Thị Dung	05/09/2016 8g30-8g45	
11	135B07/16	Bể chứa NMN Sơn Hòa			05/09/2016 10g00-10g15	



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



VILAS 746

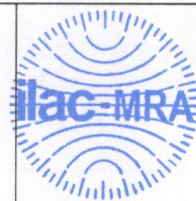
II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				131M ₁ 01/16	132B08/16	132M ₁ 01/16	133M ₁ 01/16
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6,90	7,20	7,24	6,89
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1,05	1,06	1,00	0,63
5	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	0,05	0,04	0,04	0,04
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	13,47	15,83	14,49	13,47
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	46,28	54,08	54,60	46,80
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,0026)	KPH (LOD=0,0026)	KPH (LOD=0,0026)	KPH (LOD=0,0026)
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	10,90	13,40	7,90	8,00
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	0,80	0,60	0,60	0,80
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	8,8	8,0	8,6	9,3
13	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	0,01	0,01	0,01	0,01
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0,32	0,39	0,45	0,26
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,0045)	KPH (LOD=0,0045)	KPH (LOD=0,0045)	KPH (LOD=0,0045)
16	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:201	KPH (LOD=0,3765)	KPH (LOD=0,3765)	KPH (LOD=0,3765)	KPH (LOD=0,3765)



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

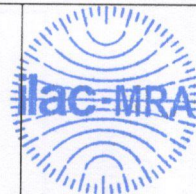
**II./KẾT QUẢ MẪU**

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				133M ₂ 01/16	133M ₃ 01/16	134B01/16	135B06/16
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	KPH
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	KPH
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6,87	6,86	6,83	6,98
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0,72	0,61	0,61	0,45
5	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	0,04	0,04	0,08	0,04
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	13,13	12,8	12,80	11,79
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	46,80	47,32	46,80	21,84
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,0026)	KPH (LOD=0,0026)	KPH (LOD=0,0026)	KPH (LOD=0,0026)
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	10,00	9,50	10,30	8,20
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	0,80	0,80	0,80	0,14
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	9,3	8,8	8,7	3,7
13	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	0,01	0,01	0,01	0,01
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0,32	0,39	0,32	0,45
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,0045)	KPH (LOD=0,0045)	KPH (LOD=0,0045)	KPH (LOD=0,0045)
16	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:201	KPH (LOD=0,3765)	KPH (LOD=0,3765)	0,53	0,44



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



VILAS 746

II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				135B07/16			
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH			
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH			
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7,10			
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0,46			
5	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	0,03			
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	11,11			
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	45,76			
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,0026)			
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	7,50			
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không			
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	0,50			
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7,6			
13	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	0,01			
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0,32			
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,0045)			
16	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:201	0,44			

Ghi chú: - (*) là chỉ tiêu chưa được Vilas công nhận, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 12 tháng 09 năm 2016

Lãnh Đạo Công Ty

Phòng Kỹ Thuật

Bộ Phận Hóa nghiệm



Nguyễn Tấn Thuận

Võ Bá Duy Huân

BM.KT.02.02

24/06/2014

Trang 4/4